

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203**Môn thi:** Kỹ năng nói**Ca thi:** 13h00**Ngày thi:** 6/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0001	Võ Thị Thuỳ Dung	02/02/1997				
2	TA0002	Nguyễn Tuấn Quang	27/09/1998				
3	TA0003	Lương Quang Đức	29/09/1997				
4	TA0004	Phạm Ngọc Thạch	18/12/1998				
5	TA0005	Nguyễn Thị Ngọc Anh	14/11/1999				
6	TA0006	Mai Quốc Đạt	17/09/1997				
7	TA0007	Trần Diệu Linh	18/09/1999				
8	TA0008	Nguyễn Thị Thu	31/08/1998				
9	TA0009	Bùi Đức Cường	19/09/1999				
10	TA0010	Vũ Quốc Hải	06/05/1997				
11	TA0011	Khổng Mai Anh	05/09/1997				
12	TA0012	Hoàng Phương Anh	05/11/1997				
13	TA0013	Nguyễn Thu Hiền	22/09/1999				
14	TA0014	Lưu Thuỳ Linh	14/04/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ chấm thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)